

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 08/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28208105564	Huỳnh Thị Vân	Anh	24/09/2004	Đà Nẵng	31TSC12	5.3	9.3	Đạt	
2	28208006728	Lê Thị	Anh	14/05/2004	Quảng Trị	31TSC12	8.7	6.3	Đạt	
3	28212302694	Nguyễn Tấn	Anh	11/02/2004	Bình Định	31CSC8	9.0	8.0	Đạt	
4	28214603301	Trần Nguyệt	Ánh	14/09/2004	Quảng Trị	31CYC8	8.3	7.0	Đạt	
5	28212300980	Đậu Văn	Bách	07/11/2004	Nghệ An	31TSC12	5.3	8.8	Đạt	
6	27215445596	Trương Công	Bản	02/12/2002	Quảng Nam	31CYC8	7.7	9.5	Đạt	
7	28212301206	Đoàn Văn	Bằng	21/07/2004	Lâm Đồng	31CYC8	7.0	8.8	Đạt	
8	28211145153	Thái Hoàng	Bảo	19/07/2004	Gia Lai	31TSC12	8.0	10.0	Đạt	
9	28216602284	Huỳnh Kim Bảo	Đạt	23/03/2004	Quảng Nam	31CYC8	7.0	7.5	Đạt	
10	28204402691	Bùi Thị Kiều	Diễm	12/04/2004	Quảng Nam	31CSC8	7.3	5.5	Đạt	
11	28218004024	Trần Quang	Diệp	01/04/2004	Quảng Nam	31TSC12	9.3	6.5	Đạt	
12	28209305565	Nguyễn Võ Phương	Dung	12/10/2004	Đà Nẵng	31TSC12	8.7	6.5	Đạt	
13	29213123500	Lê Minh	Duy	20/01/2005	Quảng Ngãi	31CSC8	6.0	3.5	Không Đạt	
14	27218227851	Võ Hoàng	Hà	20/10/2003	Quảng Ngãi	31CYC8	7.7	7.5	Đạt	
15	28205202792	Ngô Lê Nhật	Hạ	14/06/2004	Quảng Trị	31CYC8	7.7	5.8	Đạt	
16	29204661599	Văn Khánh	Hân	19/11/2005	Phú Yên	31CSC8	8.3	7.5	Đạt	
17	28206552055	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	12/04/2004	Quảng Ngãi	31TSC12	V	V	Không Đạt	
18	28218000369	Phạm Ngọc	Hào	25/02/2004	Quảng Ngãi	31TSC12	5.7	8.0	Đạt	
19	28214625489	Nguyễn Lê	Hiệt	16/08/2004	Đà Nẵng	31CYC8	7.0	9.0	Đạt	
20	28212349722	Nguyễn Chí	Hiếu	23/06/1999	Bình Định	31CSC8	7.3	8.0	Đạt	
21	27211302450	Đặng Ngọc	Hòa	27/11/2000	Quảng Nam	31TSC12	5.7	3.1	Không Đạt	
22	27218728304	Phan Văn	Hoàng	12/03/2003	Đắk Lắk	31CSC8	6.0	8.0	Đạt	
23	28204652697	Nguyễn Thị Thu	Hồng	21/01/2004	Đà Nẵng	31CYC8	9.7	8.5	Đạt	
24	29208162418	Nguyễn Võ Bích	Hợp	21/04/2005	Gia Lai	31TSC12	8.0	5.5	Đạt	
25	28204901994	Phan Phương	Huyền	19/07/2004	Quảng Bình	31CYC8	9.3	9.3	Đạt	
26	28204506636	Trần Thị Khánh	Huyền	06/03/2004	Bình Định	31TSC12	8.7	5.3	Đạt	
27	28204502696	Võ Thị Lệ	Huyền	11/10/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	8.7	2.3	Không Đạt	
28	28208151419	Vì Thị	Kiên	29/12/2004	Lâm Đồng	31CYC8	5.7	6.5	Đạt	
29	28214300922	Phan Thanh	Kiệt	14/12/2004	Quảng Nam	31TSC12	5.7	5.3	Đạt	
30	28209505252	Nguyễn Thị	Lắm	09/03/2004	Đà Nẵng	31CYC8	8.7	9.0	Đạt	
31	28204604145	Trần Thị Thảo	Linh	04/09/2004	Hà Tĩnh	31TSC12	6.7	4.0	Không Đạt	
32	28214502049	Nguyễn Tấn	Lộc	26/03/2003	Quảng Ngãi	31CYC8	3.3	3.9	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28204553309	Ngũ Lê Khánh	Ly	17/08/2004	Quảng Ngãi	31TSC12	7.0	7.3	Đạt	
34	28204802586	Nguyễn Thị Bích	Ly	28/11/2004	Quảng Nam	31TSC12	9.3	6.8	Đạt	
35	28204306393	Phan Thị Tuyết	Mai	13/11/2004	Quảng Bình	31CSC8	7.3	9.5	Đạt	
36	28205105806	Lương Thụy Diệu	Mến	31/03/2004	Quảng Nam	31TSC12	V	V	Không Đạt	
37	28214504035	Lê Đắc Bảo	Minh	14/12/2004	Quảng Bình	31TYC10	5.3	6.3	Đạt	
38	28204939470	Dương Hà	My	01/11/2004	Quảng Trị	31CYC8	5.0	6.0	Đạt	
39	28202705204	Lê Thảo	Ngân	06/04/2004	Quảng Nam	31TSC12	7.7	5.0	Đạt	
40	28204606674	Trần Kỳ Khánh	Ngân	22/09/2004	Bình Định	31CSC8	8.3	6.5	Đạt	
41	28206929749	Vô Đăng Kim	Nguyên	26/11/2004	Đà Nẵng	31TSC12	9.7	7.3	Đạt	
42	28212302720	Nguyễn Đức	Nhật	17/09/2004	Quảng Bình	31CYC8	5.7	5.3	Đạt	
43	28204303353	Lê Nguyễn Phương	Nhi	27/09/2004	Thanh Hóa	31CSC8	9.0	8.0	Đạt	
44	28204444682	Lê Thanh Uyên	Nhi	07/07/2004	Quảng Nam	31CYC8	5.3	7.3	Đạt	
45	28208027141	Phạm Hồng Thảo	Nhi	08/10/2004	Đồng Nai	31TSC12	9.0	7.5	Đạt	
46	28204650730	Phan Hoàng Hà	Nhi	08/11/2004	Quảng Bình	31TSC12	6.0	6.0	Đạt	
47	28206602070	Trần Nguyễn Bảo	Nhi	22/05/2004	Lâm Đồng	31CSC8	8.3	5.8	Đạt	
48	28204503365	Ngô Thị Quỳnh	Như	09/09/2004	Huế	31CYC8	4.0	6.0	Không Đạt	
49	28204651723	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	22/09/2004	Quảng Trị	31TSC12	9.7	7.3	Đạt	
50	28204934447	Đặng Thị Kiều	Oanh	06/10/2004	Đà Nẵng	31CYC8	5.7	5.5	Đạt	
51	28212303458	Nguyễn Phạm Hoàng	Phát	10/12/2004	Quảng Nam	31CYC8	7.3	5.3	Đạt	
52	28214600560	Lê Đình Minh	Quân	05/11/2004	Huế	31CSC8	5.7	10.0	Đạt	
53	28214336780	Lê Phước Ngọc	Qui	05/03/2003	Quảng Nam	31CSC8	8.3	5.8	Đạt	
54	28212336519	Nguyễn Công	Quý	07/09/2004	Quảng Nam	31TSC12	4.3	6.5	Không Đạt	
55	29212322912	Nguyễn Văn	Quyền	24/04/2005	Quảng Ngãi	31CSC8	7.3	7.3	Đạt	
56	27212250383	Trần Nhất	Quyết	08/07/2003	Quảng Nam	31TSC12	V	V	Không Đạt	
57	28212351346	Nguyễn Đăng	Quyn	03/07/2004	Quảng Nam	31CYC8	7.7	9.3	Đạt	
58	28218045391	Lương Đức	Tài	08/11/2004	Đà Nẵng	31TSC12	8.3	8.0	Đạt	
59	28215106406	Nguyễn Song	Tài	13/03/2004	Gia Lai	31TSC12	V	V	Không Đạt	
60	28204604395	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	10/01/2004	Quảng Nam	31CYC8	9.3	7.3	Đạt	
61	28206252621	Nguyễn Vũ Anh	Thư	01/04/2004	Quảng Nam	31CYC8	5.0	7.8	Đạt	
62	28204100320	Trương Anh	Thư	19/09/2004	Quảng Nam	31CSC8	8.7	9.0	Đạt	
63	28204301503	Đỗ Thị Thu	Thương	10/03/2004	Quảng Nam	31TSC12	V	V	Không Đạt	
64	28204305083	Nguyễn Thị Kiều	Thương	23/03/2004	Đà Nẵng	31CSC8	8.7	6.8	Đạt	
65	28208152868	Nguyễn Thị Phương	Thúy	26/04/2004	Lâm Đồng	31CYC8	8.0	7.5	Đạt	
66	28212301589	Vô Đức	Toàn	22/01/2004	Quảng Nam	31TSC12	6.7	8.5	Đạt	
67	28204904540	Tôn Nữ Thị Thùy	Trâm	27/06/2004	Đà Nẵng	31CSC8	5.0	3.8	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28204900254	Châu Ánh	Trang	29/11/2004	Quảng Bình	31CYC8	9.0	6.3	Đạt	
69	28204933869	Lê Thị	Trang	03/03/2004	Hà Tĩnh	31CYC8	5.7	3.4	Không Đạt	
70	28204904979	Võ Thị Thùy	Trang	14/03/2004	Quảng Nam	31CSC8	6.3	6.3	Đạt	
71	28204406130	Đặng Thị Mỹ	Trinh	24/09/2004	Quảng Nam	31CSC8	9.0	7.5	Đạt	
72	28206249629	Lê Kiều	Trinh	12/05/2004	Phú Yên	31TSC12	6.7	5.3	Đạt	
73	28214353395	Văn Đức	Trọng	08/10/2004	Đà Nẵng	31CSC8	8.3	7.0	Đạt	
74	28202741911	Hồ Ngọc Thùy	Trúc	24/11/2004	Quảng Nam	31CSC8	8.7	5.0	Đạt	
75	27212245643	Ngô Quang	Trường	26/08/2003	Đà Nẵng	31TSC12	V	V	Không Đạt	
76	28214948209	Thái Tuấn	Tú	05/11/2004	Đà Nẵng	31TSC12	8.3	10.0	Đạt	
77	28208106250	Võ Ngọc Cẩm	Tú	12/10/2004	Đà Nẵng	31CSC8	9.7	7.5	Đạt	
78	28206206038	Hà Thị Ánh	Tuyết	03/05/2004	Quảng Nam	31CSC8	8.7	9.0	Đạt	
79	28208004370	Nguyễn Lưu Thu	Vân	04/02/2004	Phú Yên	31TSC12	8.3	6.8	Đạt	
80	28211304550	Lê Nhân	Vũ	09/10/2004	Quảng Trị	31CSC8	7.3	5.8	Đạt	
81	28204828768	Đỗ Nguyễn Thảo	Vy	12/11/2004	Đà Nẵng	31CSC8	10.0	8.0	Đạt	
82	28204904900	Hồng	Vy	20/07/2004	Đắk Lắk	31CSC8	7.3	9.4	Đạt	
83	28204951880	Trương Thị Kiều	Vy	01/09/2004	Quảng Nam	31CYC8	5.3	8.0	Đạt	
84	28204453151	Trần Tinh	Yên	11/11/2004	Hồ Chí Minh	31CSC8	9.7	9.3	Đạt	
85	28206750515	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	20/11/2004	Bình Định	31TSC12	5.0	9.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh